

Số: 653 /SKHĐT-TH

Khánh Hòa, ngày 24 tháng 02 năm 2023

V/v triển khai Nghị quyết số
09/NQ-CP ngày 02/02/2023 của
Chính phủ

Kính gửi:

- Các Sở, ban, ngành;
- Thanh tra tỉnh;
- Liên minh Hợp tác xã tỉnh;
- Bảo hiểm Xã hội tỉnh;
- Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- Hội Nông dân tỉnh;
- Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố.

Thực hiện chỉ đạo của UBND tỉnh tại Văn bản số 1521/UBND-KT ngày 22/03/2023 về việc triển khai Nghị quyết số 09/NQ-CP ngày 02/02/2023 của Chính phủ; trong đó, UBND tỉnh chỉ đạo: *"Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư phổ biến Nghị quyết số 09/NQ-CP ngày 02/02/2023 của Chính phủ đến các tổ chức, cá nhân liên quan trên địa bàn tỉnh biết, thực hiện; chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan nghiên cứu, tham mưu các nội dung thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh theo quy định trước ngày 20/3/2023"*.

Sở Kế hoạch và Đầu tư có ý kiến như sau:

Ngày 02/02/2023, Chính phủ ban hành Nghị quyết số 09/NQ-CP về Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 16/6/2022 Hội nghị lần thứ năm Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể trong giai đoạn mới.

Ngoài ra, Tỉnh ủy Khánh Hòa đã ban hành Chương trình hành động số 46-CTr/TU, ngày 06/12/2022 về thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 16/6/2022 Hội nghị lần thứ năm Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể trong giai đoạn mới.

Vì vậy, Sở Kế hoạch và Đầu tư đề nghị các cơ quan, đơn vị nghiên cứu Nghị quyết số 09/NQ-CP ngày 02/02/2023 và Chương trình hành động số 46-CTr/TU, ngày 06/12/2022 của Tỉnh ủy; căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao đăng tải thông tin, thông báo cho các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác trên địa bàn tỉnh được biết, thực hiện rà soát, tham gia ý kiến (nếu có)

gửi về Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp, tham mưu UBND tỉnh *trước ngày 10/03/2023*.

Rất mong nhận được sự phối hợp của các cơ quan, đơn vị./.

(Gửi kèm Nghị quyết số 09/NQ-CP ngày 02/02/2023 của Chính phủ)

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Nơi nhận:

- Như trên (VBĐT);
- UBND tỉnh (b/c) (VBĐT);
- Lưu VT, TH(PTL).



[Handwritten signature]
Nguyễn Thị Hà



**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH KHÁNH HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Khánh Hòa, ngày 22 tháng 02 năm 2023

Số: 1521 /UBND-KT
V/v triển khai Nghị quyết số
09/NQ-CP ngày 02/02/2023 của
Chính phủ

Kính gửi: Sở Kế hoạch và Đầu tư.

UBND tỉnh nhận được Nghị quyết số 09/NQ-CP ngày 02/02/2023 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 16/6/2022, Hội nghị lần thứ năm, Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể trong giai đoạn mới. Về vấn đề này, UBND tỉnh có ý kiến như sau:

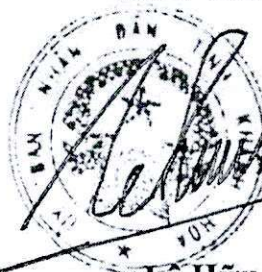
Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư phổ biến Nghị quyết số 09/NQ-CP ngày 02/02/2023 của Chính phủ đến các tổ chức, cá nhân liên quan trên địa bàn tỉnh biết, thực hiện; chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan nghiên cứu, tham mưu các nội dung thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh theo quy định trước ngày 20/3/2023./.

(Nội dung thông tin Nghị quyết số 09/NQ-CP ngày 02/02/2023 của Chính phủ được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử Khánh Hòa)

Nơi nhận:

- Như trên;
- Văn phòng Chính phủ (báo cáo);
- Chủ tịch UBND tỉnh (báo cáo);
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh;
- Các phòng: TH, XDND;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, TL, TLe, TNg. 4

**KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Hữu Hoàng



CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 09/NQ-CP

Hà Nội, ngày 02 tháng 02 năm 2023

NGHỊ QUYẾT

Ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 16 tháng 6 năm 2022, Hội nghị lần thứ năm, Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể trong giai đoạn mới

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 16 tháng 6 năm 2022 Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể trong giai đoạn mới;

Căn cứ Kế hoạch số 10-KH/TW ngày 23 tháng 8 năm 2022 của Bộ Chính trị thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 16 tháng 6 năm 2022 Hội nghị lần thứ năm Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể trong giai đoạn mới;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 16 tháng 6 năm 2022, Hội nghị lần thứ năm, Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể trong giai đoạn mới.

Điều 2. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành; bãi bỏ Nghị quyết số 134/NQ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Kết luận số 70-KL/TW ngày 09 tháng 3 năm 2020 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 Khóa IX về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể.

Điều 3. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- Liên minh Hợp tác xã Việt Nam;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, NN (2).

**TM. CHÍNH PHỦ
KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG**



Lê Minh Khái



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG CỦA CHÍNH PHỦ

Thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 16 tháng 6 năm 2022, Hội nghị lần thứ năm, Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể trong giai đoạn mới

(Kèm theo Nghị quyết số 09/NQ-CP
ngày 02 tháng 02 năm 2023 của Chính phủ)

Căn cứ quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp tại Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 16 tháng 6 năm 2022, Hội nghị lần thứ năm, Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể trong giai đoạn mới (Nghị quyết số 20-NQ/TW), Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW (sau đây gọi tắt là Chương trình hành động) với những nội dung chính, như sau:

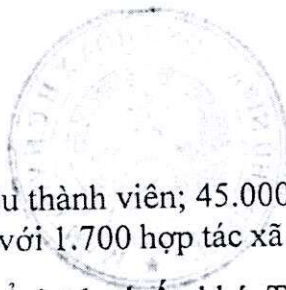
I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Việc xây dựng và ban hành Chương trình hành động của Chính phủ nhằm thống nhất trong chỉ đạo các cấp, các ngành tổ chức quán triệt, triển khai quyết liệt, hiệu quả, tạo sự chuyển biến rõ rệt về nhận thức và hành động của cán bộ, công chức, viên chức các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi tắt là các bộ, ngành, địa phương) thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW.

2. Cụ thể hóa các mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp của Nghị quyết số 20-NQ/TW, xác định rõ nội dung, nhiệm vụ chủ yếu để Chính phủ, các bộ, ngành, địa phương tập trung chỉ đạo, tổ chức thực hiện.

3. Các bộ, ngành, địa phương cần tiến hành quyết liệt, toàn diện, đồng bộ, thường xuyên cả về công tác chính trị, tư tưởng, tổ chức, cán bộ; bảo đảm thực chất, hiệu quả Chương trình hành động của Chính phủ; kết hợp chặt chẽ, hài hòa các nhiệm vụ, giải pháp, triển khai có trọng tâm, trọng điểm với lộ trình phù hợp; đề cao vai trò, trách nhiệm tiên phong, gương mẫu, nêu gương của người đứng đầu các cấp, các ngành, địa phương gắn với phát huy sức mạnh của tập thể và sức mạnh của cả hệ thống chính trị.

4. Chương trình hành động của Chính phủ là căn cứ để các bộ, ngành, địa phương triển khai nghiêm túc, đồng bộ, hiệu quả quan điểm chỉ đạo, phân đấu cao nhất để thực hiện thắng lợi các mục tiêu phát triển kinh tế tập thể mà Nghị quyết số 20-NQ/TW đã đề ra, đó là:



a) Đến năm 2030

- Có khoảng 140.000 tổ hợp tác, với 2 triệu thành viên; 45.000 hợp tác xã với 8 triệu thành viên; 340 liên hiệp hợp tác xã với 1.700 hợp tác xã thành viên.

- Bảo đảm trên 60% tổ chức kinh tế tập thể đạt loại tốt, khá. Trong đó, có ít nhất 50% tham gia liên kết theo chuỗi giá trị.

- Có trên 5.000 hợp tác xã ứng dụng công nghệ cao vào sản xuất, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp; phát triển các chuỗi giá trị nông sản hàng hoá gắn với liên kết sản xuất, cung cấp dịch vụ chế biến và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp; đẩy mạnh tham gia vào các chuỗi cung ứng đưa sản phẩm nông nghiệp xuất khẩu trực tiếp ra nước ngoài.

b) Đến năm 2045

- Thu hút tối thiểu 20% dân số tham gia các tổ chức kinh tế tập thể.

- Mở rộng quy mô hoạt động của các tổ chức kinh tế tập thể, chất lượng hoạt động ngang tầm các nước trong khu vực và trên thế giới.

- Bảo đảm trên 90% tổ chức kinh tế tập thể hoạt động hiệu quả, trong đó có ít nhất 75% tham gia các chuỗi liên kết.

- Phần đầu có ít nhất 3 tổ chức kinh tế tập thể nằm trong bảng xếp hạng 300 hợp tác xã lớn nhất toàn cầu do Liên minh Hợp tác xã quốc tế (ICA) công nhận. Các tổ chức kinh tế tập thể đều áp dụng công nghệ, nhất là chuyển đổi số vào hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ.

- Tỷ lệ nữ giám đốc hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đạt ít nhất 30%.

II. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

Các bộ, ngành, địa phương tập trung thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu sau đây:

1. Nhận thức đúng, đầy đủ về bản chất, vị trí, vai trò và tầm quan trọng của kinh tế tập thể trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa

a) Khẩn trương triển khai công tác nghiên cứu, học tập, quán triệt nội dung của Nghị quyết số 20-NQ/TW và Chương trình hành động này nhằm tạo chuyển biến về nhận thức, nâng tầm tư duy và tạo quyết tâm cao của các ngành, các cấp về nhiệm vụ đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể trong giai đoạn mới.

b) Các bộ, ngành, địa phương phối hợp với các cơ quan thông tấn, báo chí, truyền thông để tuyên truyền, phổ biến thông tin về Nghị quyết số 20-NQ/TW và Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết với quy mô sâu rộng. Xây dựng nội dung và phương pháp tuyên truyền, giáo dục phù hợp với từng đối tượng, bảo đảm thiết thực và hiệu quả, hình thức đa dạng, phong phú.

c) Tuyên truyền, khuyến khích khơi dậy phong trào tham gia phát triển kinh tế tập thể; kịp thời khen thưởng, tôn vinh và nhân rộng các mô hình kinh tế tập thể hoạt động hiệu quả, tiêu biểu ở các địa phương, lĩnh vực.

2. Tiếp tục đổi mới, hoàn thiện cơ chế, chính sách khuyến khích, hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể

a) Hoàn thiện khung pháp lý về kinh tế tập thể với nhiều hình thức tổ chức kinh tế hợp tác đa dạng, phát triển từ thấp đến cao (tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã,...) và các tổ chức đại diện để nâng cao khả năng huy động vốn, tăng tích lũy vốn và tài sản chung; nâng cao tính minh bạch trong quản lý, điều hành; nâng cao hiệu quả, chất lượng chính sách hỗ trợ của Nhà nước, quản lý nhà nước đối với kinh tế tập thể; bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật, tạo môi trường kinh doanh thuận lợi, giúp các tổ chức kinh tế tập thể phát triển bền vững.

b) Rà soát, sửa đổi, bổ sung các chính sách ưu đãi, hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể theo hướng coi các tổ chức kinh tế tập thể là chủ thể phù hợp để kết hợp giữa đầu tư của Nhà nước và đầu tư, quản lý của tập thể người dân (đầu tư công - quản trị cộng đồng). Nhà nước có cơ chế, chính sách đặc thù cho kinh tế tập thể. Xây dựng chương trình tổng thể về phát triển kinh tế tập thể trên phạm vi toàn quốc để thống nhất, tập trung nguồn lực, phù hợp yêu cầu phát triển của kinh tế tập thể và điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của đất nước trong từng thời kỳ. Bố trí nguồn kinh phí tương xứng từ ngân sách nhà nước để bảo đảm triển khai có hiệu quả các chính sách hỗ trợ, phát triển kinh tế tập thể.

3. Đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các tổ chức kinh tế tập thể

a) Có chính sách phù hợp để tập trung giải quyết dứt điểm các vấn đề còn tồn đọng của kinh tế tập thể bao gồm: Nợ tồn đọng kéo dài trong hợp tác xã (nợ nhà nước, nợ ngân hàng, nợ các tổ chức kinh tế khác, nợ thành viên, thành viên nợ hợp tác xã...); các quan hệ về tài sản của hợp tác xã, cơ chế xử lý tài sản bảo đảm của hợp tác xã, đặc biệt là những tài sản liên quan đến đất đai. Rà soát, sắp xếp lại các hợp tác xã hoạt động không hiệu quả; xử lý dứt điểm các hợp tác xã ngừng hoạt động, chờ giải thể và các hợp tác xã chưa chuyển đổi, tổ chức lại theo quy định của pháp luật; cơ cấu lại các hợp tác xã tín dụng, nhất là xử lý một số hợp tác xã tín dụng hoạt động yếu kém.

b) Hoàn thiện cơ chế chính sách để tạo điều kiện phát huy tinh thần dân chủ, tự nguyện, tự chủ, tự chịu trách nhiệm của thành viên trong các tổ chức kinh tế tập thể; kết hợp động lực kinh tế với động lực tinh thần, khơi dậy phong trào quần chúng nhân dân tham gia phát triển các tổ chức kinh tế tập thể.

c) Có cơ chế, chính sách khuyến khích tăng vốn góp và vốn huy động từ thành viên để tăng nguồn vốn hoạt động, tăng vốn đầu tư phát triển, tăng tài sản và quỹ không chia của tổ chức kinh tế tập thể; thực hiện hoạt động tín dụng nội

bộ, thành lập doanh nghiệp tại những tổ chức kinh tế tập thể có đủ điều kiện; nghiên cứu uỷ thác một số dịch vụ công cho các tổ chức kinh tế tập thể; khuyến khích liên kết kinh tế giữa các tổ chức kinh tế tập thể hoạt động trong cùng ngành, lĩnh vực; nghiên cứu, xây dựng thí điểm một số liên đoàn hợp tác xã hoạt động chuyên môn hóa cao trong một số ngành, lĩnh vực.

d) Tăng cường liên kết giữa tổ chức kinh tế tập thể với các thành phần kinh tế khác, đặc biệt là liên kết với doanh nghiệp nhà nước. Doanh nghiệp nhà nước ưu tiên hỗ trợ liên kết, tiêu thụ, sử dụng sản phẩm, dịch vụ, tạo điều kiện cho các tổ chức kinh tế tập thể hoạt động có hiệu quả; sớm khắc phục tình trạng thiếu liên kết giữa kinh tế nhà nước với kinh tế tập thể. Khuyến khích các tổ chức kinh tế tập thể liên kết với các tập đoàn kinh tế, các doanh nghiệp để tham gia vào các chuỗi cung ứng, chuỗi giá trị, đặc biệt là tham gia các ngành công nghiệp phụ trợ.

4. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước đối với kinh tế tập thể

a) Tăng cường quản lý nhà nước đối với kinh tế tập thể trong phạm vi cả nước, Bộ Kế hoạch và Đầu tư là cơ quan giúp Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về kinh tế tập thể. Xây dựng bộ máy quản lý nhà nước về kinh tế tập thể tập trung, thống nhất, xuyên suốt trong chỉ đạo điều hành từ Trung ương đến địa phương. Đề cao vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu các cấp, các ngành, cơ quan, đơn vị trong việc thực hiện chức năng nhiệm vụ quản lý nhà nước đối với kinh tế tập thể.

b) Xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức làm nhiệm vụ quản lý nhà nước và hỗ trợ, phát triển kinh tế tập thể có chuyên môn, nghiệp vụ, được đào tạo chuyên sâu về kinh tế tập thể, có tư tưởng chính trị vững vàng, có năng lực xây dựng và tổ chức thực hiện hiệu quả pháp luật, cơ chế, chính sách, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch; tập trung đào tạo, huy động nhân lực chất lượng cao cho hợp tác xã để kinh tế tập thể phát triển lành mạnh, đúng định hướng.

c) Tăng cường tính minh bạch trong quản lý nhà nước về kinh tế tập thể, ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong quản lý, từng bước xây dựng, hoàn thiện hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về kinh tế tập thể, liên thông với hệ thống đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế.

d) Tăng cường hiệu lực, hiệu quả công tác thanh tra, kiểm tra, trách nhiệm giải trình của các cơ quan, tổ chức đối với việc chấp hành chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về phát triển kinh tế tập thể, kịp thời phát hiện và xử lý nghiêm các hành vi vi phạm.

đ) Tăng cường phối hợp giữa các cơ quan liên quan trong việc xây dựng và triển khai các hoạt động đối ngoại và hợp tác quốc tế về phát triển kinh tế tập thể; chủ động, tích cực mở rộng quan hệ với các tổ chức, cơ quan hữu quan của các nước, các tổ chức quốc tế và phi chính phủ nước ngoài nhằm học tập kinh nghiệm, tranh thủ các hỗ trợ tài chính, kỹ thuật dành cho kinh tế tập thể trên nguyên tắc bảo đảm quốc phòng, an ninh.

e) Khẩn trương sửa đổi Luật Hợp tác xã năm 2012 và các quy định pháp luật liên quan đến kinh tế tập thể, hợp tác xã. Trong khi chờ sửa đổi, bổ sung các quy định pháp luật về kinh tế tập thể, tiến hành triển khai thí điểm những nội dung của Nghị quyết khác với quy định hiện hành.

5. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội, xã hội - nghề nghiệp và Liên minh Hợp tác xã Việt Nam đối với phát triển kinh tế tập thể

a) Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội, xã hội - nghề nghiệp tuyên truyền, vận động để hội viên, đoàn viên và nhân dân nắm chắc chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về kinh tế tập thể; phối hợp tổ chức vận động, phát triển các loại hình kinh tế tập thể; giám sát, phản biện về việc thực hiện chính sách, pháp luật về kinh tế tập thể và tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho các tổ chức kinh tế tập thể, hợp tác xã.

b) Đối với các tổ chức kinh tế tập thể có số lượng thành viên lớn, có các tổ chức đoàn thể đang hoạt động, cần quan tâm xây dựng và phát huy vai trò của đoàn thể cùng hội đồng quản trị, ban giám đốc, xây dựng tổ chức kinh tế tập thể phát triển vững mạnh.

c) Cùng cố, tăng cường hoạt động của hệ thống Liên minh hợp tác xã và các tổ chức đại diện, trong đó Liên minh hợp tác xã là nòng cốt nhằm bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp và thúc đẩy phát triển kinh tế tập thể. Liên minh hợp tác xã phát huy và làm tốt vai trò là cầu nối giữa Đảng và Nhà nước với thành phần kinh tế tập thể; hướng dẫn, chia sẻ thông tin, vận động và tham gia thực hiện các chính sách đối với kinh tế tập thể; cùng với các tổ chức kinh tế tập thể thực hiện tốt, đúng quy định một số nội dung dịch vụ công phù hợp với quy định của pháp luật và chức năng, nhiệm vụ được giao.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương:

a) Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, nghiêm túc triển khai thực hiện kịp thời, hiệu quả, thực chất, toàn diện nhiệm vụ, giải pháp đã được đề ra tại Nghị quyết số 20-NQ/TW và các nhiệm vụ, giải pháp nêu tại Chương trình hành động này; kịp thời xử lý những vấn đề phát sinh, đề cao trách nhiệm người đứng đầu trong việc giám sát, tổ chức thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ; chịu trách nhiệm toàn diện trước Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về kết quả thực hiện của bộ, ngành, địa phương mình.

b) Trước ngày 28 tháng 02 năm 2023, xây dựng, ban hành Chương trình, Kế hoạch hành động, văn bản cụ thể triển khai thực hiện Nghị quyết; trong đó xác định rõ, đầy đủ các mục tiêu, nhiệm vụ, tiến độ thực hiện, dự kiến kết quả đầu ra đối với từng nhiệm vụ và phân công đơn vị chủ trì thực hiện, gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư để theo dõi, giám sát.

c) Trong quá trình thực hiện chức năng quản lý nhà nước và xây dựng, triển khai các chương trình, đề án liên quan đến phát triển kinh tế tập thể, cần phối hợp chặt chẽ với hệ thống Liên minh Hợp tác xã Việt Nam, các tổ chức đại diện liên quan và các tổ chức kinh tế tập thể để bảo đảm khả thi và hiệu quả.

d) Tổng hợp, đánh giá tình hình thực hiện, gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư trước ngày 25 tháng 12 hàng năm để tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

d) Các nhiệm vụ cụ thể của các bộ, ngành, địa phương tại Phụ lục kèm theo.

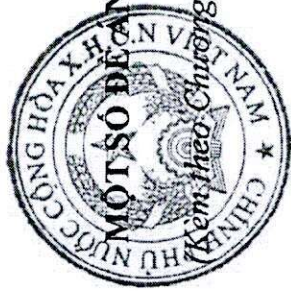
2. Đề nghị các cơ quan của Đảng, Quốc hội, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp phối hợp chặt chẽ với cơ quan hành chính nhà nước các cấp, tăng cường giám sát thực thi công vụ, phản biện xã hội và đóng góp ý kiến, góp phần tạo đồng thuận trong công tác tổ chức triển khai thực hiện Chương trình hành động của Chính phủ ban hành kèm theo Nghị quyết này.

3. Các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức hội được giao chủ trì xây dựng và trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ các chương trình, đề án liên quan đến lĩnh vực kinh tế tập thể cần lấy ý kiến thẩm định của Bộ Kế hoạch và Đầu tư trước khi trình cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

4. Bộ Thông tin và Truyền thông chủ trì hoặc phối hợp với các bộ, ngành, địa phương xây dựng chương trình, kế hoạch cụ thể nhằm thực hiện tốt công tác thông tin, tuyên truyền nội dung Nghị quyết số 20-NQ/TW đến các tầng lớp nhân dân; định hướng, tuyên truyền, mở các chuyên mục trên báo, đài nhằm nâng cao nhận thức cho cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức và quần chúng nhân dân đối với chính sách, pháp luật của Nhà nước về kinh tế tập thể; xây dựng cơ chế phối hợp với các cơ quan thông tấn báo chí lớn ở Trung ương và địa phương để đẩy mạnh công tác tuyên truyền về kinh tế tập thể, hợp tác xã; kịp thời phổ biến các mô hình thí điểm, các điển hình tiên tiến trong phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã.

5. Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu thấy cần sửa đổi, bổ sung những nội dung cụ thể thuộc Chương trình hành động của Chính phủ, các bộ, ngành, địa phương chủ động đề xuất, gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp.

6. Bộ Kế hoạch và Đầu tư thường xuyên theo dõi, kiểm tra, giám sát các bộ ngành, địa phương thực hiện nhiệm vụ, đề án được giao; định kỳ hằng năm tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.



Phụ lục

MỘT SỐ ĐỀ AN, NHIỆM VỤ CHỦ YẾU TRIỂN KHAI CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG CỦA CHÍNH PHỦ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 20-NQ/TW NGÀY 16 THÁNG 6 NĂM 2022
Kèm theo Chương trình hành động của Chính phủ tại Nghị quyết số 09/NQ-CP ngày 07 tháng 02 năm 2023 của Chính phủ

TT	Nhiệm vụ, Đề án	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Cấp trình	Sản phẩm hoàn thành	Thời gian trình
I	Nhận thức đúng, đầy đủ về bản chất, vị trí, vai trò và tầm quan trọng của kinh tế tập thể trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa					
1	Tổ chức Diễn đàn kinh tế hợp tác, hợp tác xã	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Các bộ, ngành, địa phương	Thủ tướng Chính phủ	Diễn đàn	Hàng năm
2	Mở chuyên mục phát sóng về kinh tế tập thể	Đài Truyền hình Việt Nam	Các bộ, ngành, địa phương	Tổng Giám đốc Đài THVN	Quyết định	2023
3	Mở chuyên mục phát sóng về kinh tế tập thể	Đài Tiếng nói Việt Nam	Các bộ, ngành, địa phương	Tổng Giám đốc Đài TNVN	Quyết định	2023
4	Mở chuyên mục chuyên đề về kinh tế tập thể	Thông tấn xã Việt Nam	Các bộ, ngành, địa phương	Tổng Giám đốc TTXVN	Quyết định	2023
5	Chương trình truyền truyền nhằm nâng cao nhận thức về kinh tế tập thể	Liên minh Hợp tác xã Việt Nam	Các bộ, ngành, địa phương	Chủ tịch Liên minh HTX Việt Nam	Quyết định	2023
6	Nghiên cứu, tổng kết hoàn thiện hệ thống lý luận về phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã	Viện Hàn lâm khoa học xã hội Việt Nam	Các bộ, ngành, địa phương	Thủ tướng Chính phủ	Báo cáo	2023
7	Nghiên cứu đưa nội dung đào tạo về kinh tế tập thể, hợp tác xã vào chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng để giảng dạy thí điểm tại một số trường cao đẳng	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Các bộ, ngành, địa phương	Bộ trưởng	Quyết định	2023 - 2024

TT	Nhiệm vụ, Đề án	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Cấp trình	Sản phẩm hoàn thành	Thời gian trình
8	Nghiên cứu đưa nội dung phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã vào giảng dạy trong các cơ sở giáo dục nghề nghiệp do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quản lý theo Khung cơ cấu Hệ thống Giáo dục quốc dân	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội	Các bộ, ngành, địa phương	Bộ trưởng	Quyết định	2023 - 2024
9	Xây dựng và tổ chức các chương trình đào tạo nghề giám đốc hợp tác xã, Kế toán hợp tác xã và Kiểm soát viên hợp tác xã	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội	Các bộ, ngành, địa phương	Bộ trưởng	Quyết định	Hàng năm
10	Đề án thành lập chuyên ngành đào tạo cấp đại học, sau đại học về kinh tế tập thể, hợp tác xã	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Cấp có thẩm quyền	Quyết định	2023 - 2024
11	Đề án nghiên cứu, thống kê, biên soạn số liệu GDP loại hình kinh tế tập thể	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Các bộ, ngành, địa phương	Thủ tướng Chính phủ	Quyết định	2023 - 2024
12	Thông tư hướng dẫn phân loại theo loại hình kinh tế (bao gồm kinh tế tập thể)	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Các bộ, ngành, địa phương	Bộ trưởng	Thông tư	2023 - 2024
13	Khen thưởng, tôn vinh và nhân rộng các mô hình kinh tế tập thể hoạt động hiệu quả	Các bộ, ngành có liên quan; UBND cấp tỉnh	Các bộ, ngành, địa phương	Cấp có thẩm quyền	Quyết định	Nhiệm vụ thường xuyên

TT	Nhiệm vụ, Đề án	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Cấp trình	Sản phẩm hoàn thành	Thời gian trình
II	Tiếp tục đổi mới, hoàn thiện cơ chế, chính sách khuyến khích, hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể					
14	Dự án Luật Hợp tác xã (sửa đổi) và các văn bản hướng dẫn thi hành	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Các bộ, ngành, địa phương	Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng	Luật, Nghị định, Quyết định của Thủ tướng Chính phủ, Thông tư	2023 - 2024
15	Quy định về cơ chế đặc thù trong sử dụng ngân sách nhà nước thực hiện các chính sách hỗ trợ kinh tế tập thể	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Các bộ, ngành, địa phương	Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ	Văn bản quy phạm pháp luật	2023 - 2024
16	Dự án Luật Đất đai (sửa đổi) và các văn bản hướng dẫn thi hành	Bộ Tài nguyên và Môi trường	Các bộ, ngành, địa phương	Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng	Luật, Nghị định, Quyết định của Thủ tướng Chính phủ, Thông tư	2023 - 2024
17	Dự án Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp (sửa đổi) và các văn bản hướng dẫn thi hành	Bộ Tài chính	Các bộ, ngành, địa phương	Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng	Luật, Nghị định, Quyết định của Thủ tướng Chính phủ, Thông tư	2023 - 2025
18	Dự án Luật Các tổ chức tín dụng (sửa đổi) và các văn bản hướng dẫn thi hành	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	Các bộ, ngành, địa phương	Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng	Luật, Nghị định, Quyết định của Thủ tướng Chính phủ, Thông tư	2023 - 2025
19	Triển khai thực hiện hiệu quả Chiến lược phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã giai đoạn 2021 - 2030, Kế hoạch phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã giai đoạn 2021	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Các bộ, ngành, địa phương	Thủ tướng Chính phủ	Quyết định	2023 - 2030

TT	Nhiệm vụ, Đề án	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Cấp trình	Sản phẩm hoàn thành	Thời gian trình
	- 2025 và kế hoạch phát triển kinh tế tập thể hằng năm					
20	Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư Chương trình tổng thể về phát triển kinh tế tập thể	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Các bộ, ngành, địa phương	Quốc hội, Chính phủ	Nghị quyết của Quốc hội	2023 - 2024
21	Xây dựng Hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về kinh tế tập thể	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Các bộ, ngành, địa phương	Bộ trưởng	Quyết định	2023 - 2025
22	Nghiên cứu, rà soát, xây dựng, hoàn thiện cơ chế, chính sách hỗ trợ kinh tế tập thể, hợp tác xã trong hoạt động tìm kiếm, ứng dụng, chuyển giao, phát triển và đổi mới sáng tạo công nghệ để nâng cao năng suất, chất lượng, sức cạnh tranh của hoạt động sản xuất kinh doanh; cân đối, bố trí kinh phí sự nghiệp khoa học thực hiện các đề tài phục vụ hỗ trợ, phát triển kinh tế tập thể	Bộ Khoa học và Công nghệ	Các bộ, ngành, địa phương	Cấp có thẩm quyền	Văn bản QPPL	Nhiệm vụ thường xuyên
23	Xây dựng và triển khai thí điểm cơ chế, chính sách ưu đãi, hỗ trợ hoạt động bảo vệ môi trường để khuyến khích kinh tế tập thể, hợp tác xã tham gia vào hoạt động phân loại, thu gom, xử lý chất thải theo nguyên tắc kinh tế thị trường, đặc biệt ở khu vực nông thôn	Bộ Tài nguyên và Môi trường	Các bộ, ngành, địa phương	Thủ tướng Chính phủ	Quyết định	2023 - 2025
24	Nghiên cứu, rà soát, xây dựng, hoàn thiện chính sách, chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp (bao gồm phương án xử lý nợ) đối với người lao động làm việc trong hợp tác xã theo quy định của Luật Bảo hiểm xã hội và quy định của pháp luật có liên quan	Bảo hiểm xã hội Việt Nam	Các bộ, ngành, địa phương	Cấp có thẩm quyền	Văn bản QPPL	2023 - 2025

TT	Nhiệm vụ, Đề án	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Cấp trình	Sản phẩm hoàn thành	Thời gian trình
25	Rà soát, thí điểm những nội dung của Nghị quyết số 20-NQ/TW khác với quy định hiện hành	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Các bộ, ngành, địa phương	Trưởng BCD Quốc gia về KTTT	Báo cáo	Từ 2023
26	Xây dựng chương trình đào tạo nghề đáp ứng nhu cầu nhân lực, đặc biệt là nhân lực chất lượng cao phục vụ phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội	Các bộ, ngành, địa phương	Bộ trưởng	Quyết định	2023 - 2025
27	Cân đối, bố trí kinh phí từ Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi để thực hiện các nội dung của Chương trình liên quan đến nhiệm vụ phát triển kinh tế tập thể	Ủy ban Dân tộc, UBND cấp tỉnh	Các bộ, ngành, địa phương	Thủ tướng Chính phủ	Quyết định	2023 - 2025
28	Cân đối, bố trí kinh phí từ Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới để thực hiện các nội dung của Chương trình liên quan đến nhiệm vụ phát triển kinh tế tập thể	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, UBND cấp tỉnh	Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính	Thủ tướng Chính phủ	Quyết định	2023 - 2025
29	Cân đối, bố trí kinh phí từ Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững để thực hiện các nội dung của Chương trình liên quan đến nhiệm vụ phát triển kinh tế tập thể	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, UBND cấp tỉnh	Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính	Thủ tướng Chính phủ	Quyết định	2023 - 2025
30	Sửa đổi, bổ sung Chương trình hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã giai đoạn 2021 - 2025	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Các bộ, ngành, địa phương	Thủ tướng Chính phủ	Quyết định	2023
31	Tổ chức triển khai chương trình đào tạo nghề giám đốc hợp tác xã nông nghiệp	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các bộ, ngành, địa phương	Bộ trưởng	Quyết định	2023 - 2025

TT	Nhiệm vụ, Đề án	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Cấp trình	Sản phẩm hoàn thành	Thời gian trình
32	Tổng kết, đánh giá, đề xuất sửa đổi Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018 của Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các bộ, ngành, địa phương	Chính phủ	Báo cáo tổng kết	2023
33	Tổng hợp các khó khăn, vướng mắc của các tổ chức kinh tế tập thể, báo cáo cấp có thẩm quyền phân công các bộ, ngành hướng dẫn, xử lý giải quyết theo chức năng, nhiệm vụ của các bộ, ngành	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Các bộ, ngành, địa phương	Cấp có thẩm quyền	Báo cáo	Hàng năm
34	Đề án nâng cao năng lực và hiệu quả hoạt động của HTX nông nghiệp trong sản xuất, chế biến, bảo quản và thương mại nông sản, chế biến phụ phẩm nông nghiệp, phát triển kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các bộ, ngành, địa phương	Bộ trưởng	Quyết định	2023 - 2024
35	Nghị quyết của Chính phủ về phát triển hợp tác xã nông nghiệp trong tái cơ cấu ngành nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các bộ, ngành, địa phương	Chính phủ	Nghị quyết	2023
III	Đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các tổ chức kinh tế tập thể					
36	Tổ chức, củng cố, cơ cấu lại hoạt động của các hợp tác xã theo đúng bản chất, quy định của pháp luật	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Các bộ, ngành, địa phương	Cấp có thẩm quyền	Văn bản chỉ đạo, điều hành	Nhiệm vụ thường xuyên
37	Xử lý dứt điểm các hợp tác xã ngừng hoạt động, chờ giải thể	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Các bộ, ngành, địa phương	Cấp có thẩm quyền	Văn bản chỉ đạo, điều hành	2023 - 2025

TT	Nhiệm vụ, Đề án	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Cấp trình	Sản phẩm hoàn thành	Thời gian trình
38	Tổ chức các lớp đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực cán bộ quản lý nhà nước, cán bộ quản lý, thành viên trong các tổ chức kinh tế tập thể	Các bộ, ngành, UBND cấp tỉnh	Các bộ, ngành, địa phương	Bộ trưởng/Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Quyết định	Nhiệm vụ thường xuyên
39	Xây dựng và tổng kết mô hình hợp tác xã hoạt động hiệu quả, liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm theo chuỗi giá trị, quy mô cấp tỉnh, cấp vùng miền, cấp quốc gia theo ngành hàng	Các bộ, ngành; UBND cấp tỉnh	Các bộ, ngành, địa phương	Bộ trưởng/Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Quyết định	Nhiệm vụ thường xuyên
40	Đề án thúc đẩy doanh nghiệp nhà nước tham gia hỗ trợ liên kết, tiêu thụ, sử dụng sản phẩm, dịch vụ, tạo điều kiện cho các tổ chức kinh tế tập thể hoạt động hiệu quả	Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp	Các bộ, ngành, địa phương	Thủ tướng Chính phủ	Quyết định	2023
41	Đề án Thành lập hoặc củng cố, nâng cao hiệu quả hoạt động của các Quỹ Hỗ trợ phát triển hợp tác xã (Trung ương và địa phương)	Liên minh HTX Việt Nam; UBND cấp tỉnh	Các bộ, ngành, địa phương	Chủ tịch Liên minh HTX Việt Nam, Chủ tịch UBND cấp tỉnh	Quyết định	2023
42	Bổ trí ngân sách nhà nước trung hạn và hàng năm để thực hiện hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã	Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, UBND cấp tỉnh	Các bộ, ngành, địa phương	Quốc hội, Chính phủ	Nghị quyết	Từ 2023
IV	Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước đối với kinh tế tập thể					
43	Kiểm toán và nâng cao vai trò của Ban chỉ đạo quốc gia về Kinh tế tập thể	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ Nội vụ và các cơ quan liên quan	Thủ tướng Chính phủ	Quyết định	2023
44	Đề án xây dựng bộ máy quản lý nhà nước về kinh tế tập thể tập trung, thống nhất trong cả nước	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ Nội vụ và các cơ quan liên quan	Thủ tướng Chính phủ	Quyết định	2023 - 2025

TT	Nhiệm vụ, Đề án	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Cấp trình	Sản phẩm hoàn thành	Thời gian trình
V	Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, phát huy vai trò của Mặt trận tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội, xã hội - nghề nghiệp và Liên minh Hợp tác xã Việt Nam đối với phát triển kinh tế tập thể					
45	Đề án Hội Nông dân Việt Nam tham gia phát triển kinh tế tập thể trong nông nghiệp giai đoạn 2022 - 2030	TW Hội Nông dân Việt Nam	Các bộ, ngành, UBND cấp tỉnh	Thủ tướng Chính phủ	Quyết định	2023
46	Đề án "Hỗ trợ Hợp tác xã do phụ nữ tham gia quản lý, tạo việc làm cho lao động nữ đến năm 2030"	TW Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam	Các bộ, ngành, UBND cấp tỉnh	Thủ tướng Chính phủ	Quyết định	2023
47	Xây dựng các mô hình hợp tác xã liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị, phát triển ngành nghề truyền thống phát huy tài nguyên bản địa, mô hình tạo việc làm cho lao động nữ... phù hợp với đặc điểm, lợi thế, ngành nghề của thành viên, lao động nữ	Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam các cấp	Các bộ, ngành, UBND cấp tỉnh	Cấp có thẩm quyền	Quyết định	Nhiệm vụ thường xuyên
48	Đề án thí điểm thành lập và hoạt động Liên đoàn Hợp tác xã lúa gạo vùng đồng bằng sông Cửu Long	Liên minh HTX Việt Nam	Các bộ, ngành, UBND cấp tỉnh	Chủ tịch Liên minh HTX Việt Nam	Quyết định	2023 - 2024

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH KHÁNH HÒA**

Số: *H5* /BC-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Khánh Hòa, ngày *11* tháng *3* năm *2022*

Ký bởi: Ủy
ban nhân
dân tỉnh
Khánh Hòa
NAM
UBND@khan
hhoa.gov.vn
Ngày ký:
13/03/2022
09:21:01
+07:00



BÁO CÁO

**Kết quả thực hiện các chính sách về sắp xếp, đổi mới công ty nông, lâm nghiệp
theo Nghị định số 118/2014/NĐ-CP**

Kính gửi: Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

UBND tỉnh Khánh Hòa nhận được công văn số 490/BNN-TCLN ngày 19/01/2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc tổng kết, đánh giá việc thực hiện Nghị định số 118/2014/NĐ-CP; qua báo cáo, tham mưu của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại công văn số 543/SNN-VPS ngày 24/02/2022, UBND tỉnh Khánh Hòa báo cáo kết quả thực hiện các chính sách về sắp xếp, đổi mới công ty nông, lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa (Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Trâm Hương và Công ty TNHH MTV Lâm sản Khánh Hòa) như sau:

I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN SẮP XẾP, ĐỔI MỚI CÁC CÔNG TY NÔNG, LÂM NGHIỆP

1. Về phê duyệt đề án sắp xếp, đổi mới các công ty hiện có:

1.1 Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Trâm Hương:

Trên cơ sở Phương án tổng thể số 4139/PA-UBND ngày 26/6/2015 của UBND tỉnh Khánh Hòa, ý kiến thẩm định của Bộ Nông nghiệp và PTNT tại công văn số 5065/BNN-QLDN ngày 26/6/2015, Thủ tướng Chính phủ đã có công văn số 1274/TTg-ĐMDN ngày 05/8/2015 về việc phương án tổng thể sắp xếp, đổi mới công ty lâm nghiệp thuộc tỉnh Khánh Hòa, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 3508/QĐ-UBND ngày 03/12/2015 về việc phê duyệt Đề án sắp xếp, đổi mới Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Trâm Hương, Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ, thực hiện nhiệm vụ sản xuất, cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích.

1.2 Công ty TNHH MTV Lâm sản Khánh Hòa:

Công ty đã thực hiện Đề án đổi mới theo Quyết định số 3488/QĐ-UBND ngày 01/12/2015 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc phê duyệt Đề án sắp xếp, đổi mới Công ty TNHH MTV Lâm sản Khánh Hòa; Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ thực hiện nhiệm vụ sản xuất, cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích.

2. Kết quả triển khai Phương án tổng thể sắp xếp, đổi mới (kết quả thực hiện sắp xếp, đổi mới theo các mô hình đã được duyệt)

2.1. Kết quả triển khai Đề án sắp xếp, đổi mới Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Trâm Hương

Sau khi Đề án sắp xếp, đổi mới của Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp

Trâm Hương (Công ty) được UBND tỉnh phê duyệt, Công ty đã tiến hành xây dựng phương án sử dụng lao động, phương án sử dụng đất trình các Sở ngành chức năng thẩm định, trình UBND tỉnh phê duyệt.

❖ **Phương án sử dụng lao động:**

- Tổng số lao động trước sắp xếp (12/2015): 110 người (nữ: 04 người).
- Số lao động tiếp tục sử dụng sau sắp xếp lại: 51 người.
- Số lao động không bố trí được việc làm, phải chấm dứt hợp đồng lao động: 59 người.

- Số lao động tại thời điểm báo cáo (02/2022): 95 người (nữ: 04 người). Ngoài ra hàng năm Công ty hợp đồng lao động ngắn hạn để thực hiện nhiệm vụ phòng cháy chữa cháy rừng trong mùa khô hanh và thực hiện thi công các công trình lâm sinh.

❖ **Phương án sử dụng đất:**

- Diện tích các loại đất Công ty đang quản lý, sử dụng trước khi sắp xếp (tháng 10/2015): 39.915,82 ha.

- Diện tích các loại đất Công ty đang quản lý, sử dụng sau khi sắp xếp (thời điểm xây dựng phương án sử dụng đất 31/12/2020): 39.088,07 ha. Bao gồm:

- + Diện tích các loại đất Công ty đề nghị giữ lại được giao đất, cho thuê đất theo phương án sử dụng đất 37.358,20 ha.

- + Diện tích đất bàn giao và dự kiến bàn giao cho địa phương và các tổ chức kinh tế, quốc phòng theo phương án sử dụng đất 1.729,87 ha.

Phương án sử dụng đất của Công ty xây dựng lại theo Thông tư số 07/2015/TT-BTNMT ngày 26/02/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, hoàn thiện theo ý kiến góp ý của các cơ quan, ban ngành (hoàn thành tháng 11/2020), đến nay vẫn chưa được phê duyệt. Nguyên nhân: vướng mắc vấn đề đất quy hoạch bố trí quốc phòng kết hợp phát triển kinh tế-xã hội nằm trong lâm phận Công ty đang quản lý, chờ đợi kéo dài, chưa hoàn thành thẩm định phương án sử dụng đất để trình UBND tỉnh phê duyệt, quyết định giao đất, cho thuê đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Công ty, ảnh hưởng công tác quản lý đất đai, thực hiện phương án quản lý rừng bền vững, chứng chỉ rừng bền vững.

Công ty đã phân rõ loại hình doanh nghiệp là công ty TNHH một thành viên Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ, thực hiện nhiệm vụ sản xuất, cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích được Nhà nước đặt hàng, đồng thời sản xuất kinh doanh thêm trong lĩnh vực lâm nghiệp (thực hiện nhiệm vụ bảo vệ và phát triển rừng). Nhiệm vụ chính của Công ty: quản lý bảo vệ rừng và đất rừng được giao; trồng và chăm sóc rừng trồng, dịch vụ giống cây trồng và khoanh nuôi, tái sinh phục hồi và làm giàu rừng; tư vấn lập dự án lâm nghiệp, tư vấn giám sát công trình lâm nghiệp, hoạt động thiết kế chuyên dụng.

❖ **Kết quả**

Sau khi sắp xếp, đổi mới theo phương án đã được phê duyệt, cùng với các chính sách của Nhà nước về lâm nghiệp tạo điều kiện cho Công ty chủ động hơn

trong công tác bảo vệ và phát triển rừng trên lâm phần được giao quản lý, Công ty đã ổn định hoạt động sản xuất kinh doanh, phát triển rừng trồng sản xuất; ổn định về tổ chức bộ máy; việc làm, thu nhập của cán bộ, người lao động được tăng lên, đời sống vật chất, tinh thần của người lao động được cải thiện; thực hiện nhiệm vụ bảo vệ và phát triển rừng trên lâm phần được giao ngày càng đạt hiệu quả cao; công tác quản lý đất đai ngày càng chặt chẽ, giải quyết dứt điểm tình trạng lấn, chiếm đất rừng; tình trạng xâm hại tài nguyên rừng giảm mạnh, chỉ còn một vài trường hợp nhỏ lẻ, không đáng kể.

Tạo công ăn việc làm cho hàng trăm lao động là người dân địa phương thông qua thực hiện công tác trồng rừng, chăm sóc rừng, khai thác rừng trồng, phòng chống cháy rừng trong mùa khô.

2.2. Kết quả triển khai Đề án sắp xếp, đổi mới Công ty TNHH MTV Lâm sản Khánh Hòa

Sau khi thực hiện đổi mới sắp xếp Công ty vẫn giữ nguyên tên cũ chỉ thay đổi về ngành nghề kinh doanh: Chỉ thực hiện nhiệm vụ sản xuất, cung ứng dịch vụ công ích như: Quản lý bảo vệ rừng, phòng cháy chữa cháy rừng, phòng trừ sâu bệnh hại rừng; trồng, chăm sóc rừng và phát triển vốn rừng.

Sau khi Đề án sắp xếp, chuyển đổi Công ty TNHH MTV Lâm sản Khánh Hòa được phê duyệt tại Quyết định số 3488/QĐ-UBND ngày 01/12/2015. Công ty TNHH MTV Lâm sản Khánh Hòa đã tiến hành xây dựng phương án sử dụng đất trình Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định chờ UBND tỉnh phê duyệt.

Tổng diện tích Công ty quản lý sử dụng: 41.180,95 ha. Trong đó:

- Diện tích xây dựng nhà trạm, trụ sở: 6,09 ha.
- Diện tích rừng và đất rừng: 41.174,86 ha.

Việc lập Phương án sử dụng đất; lập hồ sơ ranh giới sử dụng đất; đo đạc lập bản đồ địa chính;... cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo hướng dẫn tại Thông tư số 07/2015/TT-BTNMT ngày 26/02/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường đối với các Công ty lâm nghiệp đã hoàn thành nhưng đến nay Phương án sử dụng đất vẫn chưa được phê duyệt do chưa giải quyết được việc chồng lấn giữa diện tích đất quốc phòng với đất Công ty nên đã ảnh hưởng đến công tác quản lý đất đai, triển khai thực hiện phương án quản lý rừng bền vững và kế hoạch thực hiện chứng nhận rừng bền vững của Công ty.

❖ Hiện trạng lao động trước khi được sắp xếp:

- Tổng số lao động: 41 người, trong đó nữ: 02 người.

Trong đó:

- + Viên chức quản lý: 04 người.
- + Lao động ký hợp đồng không có thời hạn là: 36 người.
- + Lao động ký hợp đồng có thời hạn từ 12-36 tháng: 01 người.
- + Lao động ký hợp đồng mùa vụ (không thường xuyên): 0 người.

❖ Hiện trạng lao động sau khi được sắp xếp (tính đến năm 2021):

- Tổng số lao động: 68 người, trong đó nữ: 01 người.
- Trong đó:
 - + Viên chức quản lý: 04 người.
 - + Lao động ký hợp đồng không có thời hạn là: 48 người.
 - + Lao động ký hợp đồng có thời hạn từ 12-36 tháng: 16 người.

❖ **Kết quả sắp xếp, đổi mới:**

Sau khi sắp xếp, đổi mới theo phương án được phê duyệt, Công ty đã cơ bản ổn định thực hiện nhiệm vụ Bảo vệ và phát triển rừng trên lâm phần được giao; giải quyết tình trạng đất cấp trùng, chồng lấn của các hộ gia đình, cá nhân tại đơn vị.

Việc sắp xếp đổi mới Công ty đã phân rõ loại hình Doanh nghiệp là đơn vị sản xuất kinh doanh và đơn vị thực hiện nhiệm vụ sản xuất và cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích được Nhà nước đặt hàng để thực hiện nhiệm vụ Bảo vệ và phát triển rừng.

Công ty chủ động hơn trong công tác Bảo vệ và phát triển rừng trên lâm phần được giao, mang lại lợi nhuận cho Công ty, góp phần tăng thu ngân sách Nhà nước.

Tạo công ăn việc làm cho người dân địa phương qua công tác Lâm sinh, khoán bảo vệ rừng...

3. Kết quả rà soát đất đai, thực hiện bàn giao về địa phương quản lý sử dụng, kinh phí thực hiện, đo đạc, cắm mốc và cấp GCNQSD đất.

3.1 Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Trầm Hương:

- Về rà soát, đo đạc, cắm mốc, cấp GCNQSD đất: diện tích lâm phần Công ty quản lý đã được đơn vị tư vấn đo đạc (Công ty TNHH đo đạc bản đồ và dịch vụ cây xanh Thành Lợi) thực hiện rà soát, đo đạc, cắm mốc, lập bản đồ địa chính được Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định.

Công ty đã xây dựng Phương án sử dụng đất trình Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định (hoàn thành tháng 11/2020), đang trong quá trình trình UBND tỉnh phê duyệt, nên hiện chưa được cấp GCNQSD đất.

- Về diện tích đất bàn giao cho địa phương và các tổ chức kinh tế, quốc phòng từ sau khi sắp xếp đến nay (đã có quyết định thu hồi đất): 843,57 ha.

- Về kinh phí thực hiện đo đạc, cắm mốc và cấp GCNQSD đất: cấp cho đơn vị tư vấn (Công ty không được cấp).

3.2 Công ty TNHH MTV Lâm sản Khánh Hòa:

- Về rà soát, đo đạc, cắm mốc, cấp GCNQSD đất: Đã hoàn thành đo đạc, cắm mốc. Cụ thể:

- Tổng số mốc đã được đóng là 587 mốc. Trong đó:

+ Tổng mốc ranh giới: 391 mốc.

+Tổng điểm đặc trưng: 196 điểm.

-Tổng diện tích Công ty đang quản lý sử dụng: 40.983,32 ha. Trong đó:

+Diện tích rừng và đất rừng: 40.972,95 ha.

+Đất phi nông nghiệp: 10.37 ha.

Hiện tại Phương án sử dụng đất của Công ty đang trong quá trình trình UBND tỉnh thẩm định phê duyệt, nên Công ty hiện chưa được cấp GCNQSD đất.

- Về diện tích đã thực hiện bàn giao về địa phương quản lý, sử dụng:

Tình hình bàn giao đất của Công ty cho địa phương từ khi thực hiện sắp xếp theo Nghị định 118/2014/NĐ-CP:

- Tổng diện tích đã được thu hồi: 3.991,02 ha. Trong đó:

+ Diện tích đã có quyết định thu hồi: 3.856,52 ha.

+ Diện tích đã bàn giao cho địa phương nhưng chưa có quyết định thu hồi: 134,5 ha.

- Diện tích dự kiến bàn giao cho địa phương: 2.037,34 ha.

- Về kinh phí thực hiện đo đạc cắm mốc và cấp GCNQSD đất: Sở Tài nguyên và Môi trường.

4. Kết quả thực hiện công tác quản lý bảo vệ rừng.

4.1. Kết quả thực hiện quản lý bảo vệ rừng sản xuất là rừng tự nhiên, rừng phòng hộ xen kẽ giao cho Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Trầm Hương.

❖ **Diện tích rừng sản xuất là rừng tự nhiên và rừng phòng hộ xen kẽ giao Công ty quản lý:**

Năm 2016 là 33.126,29 ha

Năm 2017 là 33.604,74 ha

Năm 2018 là 33.655,60 ha

Năm 2019 là 32.910,73 ha

Năm 2020 là 32.617,24 ha

Năm 2021 là 32.373,15 ha

Xác định công tác quản lý bảo vệ rừng là nhiệm vụ trọng tâm nên Công ty đã triển khai thực hiện nhiều giải pháp đồng bộ nhằm quản lý tốt diện tích rừng và đất rừng được giao. Xây dựng và triển khai thực hiện tốt theo Phương án quản lý, bảo vệ rừng, Phương án phòng cháy chữa cháy rừng. Phối hợp chặt chẽ với kiểm lâm địa bàn, chính quyền địa phương trong công tác quản lý, bảo vệ rừng.

Công ty thực hiện các giải pháp, biện pháp quyết liệt; vì vậy, rừng tự nhiên, rừng trồng và đất rừng giao cho Công ty quản lý, bảo vệ ổn định, không để mất rừng; ngăn chặn, khống chế kịp thời các vụ việc khai thác lâm sản trái pháp luật, xâm hại rừng; tuyên truyền, giải quyết kịp thời tình trạng tranh chấp, lấn, chiếm đất rừng làm nương rẫy.

❖ **Kinh phí quản lý bảo vệ rừng:**

- Kinh phí quản lý bảo vệ rừng năm 2016:	6.625.257.000 đồng.
- Kinh phí quản lý bảo vệ rừng năm 2017:	6.720.948.000 đồng.
- Kinh phí quản lý bảo vệ rừng năm 2018:	6.731.120.000 đồng.
- Kinh phí quản lý bảo vệ rừng năm 2019:	6.582.146.000 đồng.
- Kinh phí quản lý bảo vệ rừng năm 2020:	6.523.448.000 đồng.
- Kinh phí quản lý bảo vệ rừng năm 2021:	9.711.945.000 đồng.

4.2 Kết quả thực hiện quản lý bảo vệ rừng sản xuất là rừng tự nhiên, rừng phòng hộ xen kẽ giao cho Công ty TNHH MTV Lâm sản Khánh Hòa

Công tác bảo vệ rừng: Công ty xác định công tác bảo vệ rừng là nhiệm vụ hàng đầu nên rất coi trọng, trong 3 năm gần đây, Công ty đã tiến hành giao khoán bảo vệ cho các hộ dân và đơn vị quân đội đóng trên địa bàn với diện tích 4.905 lượt/ ha tại các khu vực như đường nối Khánh Lê - Lâm Đồng xã Sơn Thái, khu vực đỉnh núi Gia Kang xã Khánh Phú, khu vực Hòn Nhọn xã Khánh Thượng đây là những khu vực thường xảy ra tình trạng khai thác lâm sản trái phép. Các nhóm hộ nhận khoán đều được bàn giao trên thực địa theo hồ sơ thiết kế được lập, có hợp đồng về bảo vệ rừng và hàng năm đều có nghiệm thu thanh toán.

Quản lý bảo vệ rừng của Công ty được tổ chức thành nhiều nhóm, bố trí 05 Đội Bảo vệ rừng và 01 văn phòng Phòng Bảo vệ và phát triển rừng, được giao phụ trách những khu vực cụ thể. Quản lý bảo vệ rừng, phòng cháy chữa cháy rừng hàng năm và cụ thể đề ra được các biện pháp, thực hiện có hiệu quả công tác quản lý bảo vệ rừng, phòng ngừa những tác động tiêu cực làm ảnh hưởng đến tài nguyên rừng.

Tuyên truyền vận động nhân dân thực hiện tốt luật Lâm nghiệp, hướng dẫn các hộ gia đình nhận khoán bảo vệ rừng thực hiện trách nhiệm bảo vệ theo hợp đồng; Hướng dẫn các Đội và hộ nhận khoán lập hồ sơ vi phạm Luật Lâm nghiệp để xử lý hoặc đề nghị các cơ quan chức năng xử lý theo quy định; Quản lý hồ sơ, tài liệu có liên quan đến công tác bảo vệ rừng, theo dõi diễn biến tài nguyên rừng, báo cáo, cung cấp tài liệu theo chức năng nhiệm vụ cho các cơ quan chức năng quản lý.

❖ **Rừng sản xuất là rừng tự nhiên: 10.997,70 ha**

a) Rừng sản xuất là rừng tự nhiên đã có phương án quản lý rừng bền vững:

Tiếp tục bảo vệ thật tốt diện tích rừng và đất rừng sản xuất là rừng tự nhiên để cải thiện môi trường sinh thái, điều tiết nguồn nước, phát huy tác dụng của rừng.

Xác định rõ các khu vực giáp ranh với của các tổ chức, cá nhân để xây dựng phương án, kế hoạch phối hợp bảo vệ rừng, nhất là công tác tuần tra, truy quét.

b) Rừng sản xuất là rừng tự nhiên nghèo kiệt:

Để công tác quản lý bảo vệ rừng được thuận lợi và có hiệu quả, thời gian tới Công ty tiếp tục tiến hành khảo sát, rà soát, tiến hành các biện pháp lâm sinh như: Trồng rừng, khoanh nuôi tái sinh tự nhiên có trồng bổ sung, làm giàu rừng, nhằm tăng độ che phủ của rừng, phủ xanh đất trống đồi núi trọc.

❖ Rừng phòng hộ :

- Diện tích 20.802,47 ha đất lâm nghiệp có rừng được Công ty bảo vệ tốt diện tích rừng và đất rừng phòng hộ để cải thiện môi trường sinh thái, điều tiết nguồn nước, phát huy tác dụng phòng hộ của rừng.

- Giao khoán bảo vệ rừng trồng chưa khép tán : 37,11 ha

- Diện tích không có rừng là : 3.526,53 ha ; Công ty tăng vốn rừng bằng các giải pháp lâm sinh như : Trồng rừng phòng hộ, khoanh nuôi tái sinh rừng, làm giàu rừng, nuôi dưỡng rừng .V..V..

❖ Kinh phí quản lý bảo vệ rừng:

- Kinh phí quản lý bảo vệ rừng năm 2016:	4.626.245.000 VNĐ
- Kinh phí quản lý bảo vệ rừng năm 2017:	6.338.683.000 VNĐ
- Kinh phí quản lý bảo vệ rừng năm 2018:	6.561.926.000 VNĐ
- Kinh phí quản lý bảo vệ rừng năm 2019:	6.346.660.000 VNĐ
- Kinh phí quản lý bảo vệ rừng năm 2020:	6.311.440.000 VNĐ
- Kinh phí quản lý bảo vệ rừng năm 2021:	7.154.685.000 VNĐ

5. Xử lý các vấn đề tài chính, tài sản trên đất khi chuyển giao đất về cho địa phương quản lý và các quy định có tính đặc thù về tài chính đối với Công ty nông, lâm nghiệp.

Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Trầm Hương và Công ty TNHH MTV Lâm sản Khánh Hòa đã chuyển giao đất về cho địa phương là diện tích đất trống (đã khai thác rừng trồng) không có tài sản trên đất nên không xử lý các vấn đề tài chính, tài sản trên đất khi chuyển giao đất.

II. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN

1. Ưu điểm.

- Đã hoàn thành việc xây dựng Đề án sắp xếp, đổi mới Công ty lâm nghiệp theo Nghị định số 118/2014/NĐ-CP khẩn trương, kịp thời, góp phần sớm hoàn thành Phương án tổng thể sắp xếp, đổi mới các Công ty Lâm nghiệp của tỉnh Khánh Hòa.

- Sau khi sắp xếp, đổi mới các Công ty đã đi vào hoạt động ổn định, trách nhiệm của từng cá nhân và đơn vị trực thuộc được phân công trực tiếp thực hiện công tác quản lý bảo vệ rừng đã được nâng lên rõ rệt, thực hiện có hiệu quả trong nhiệm vụ công tác bảo vệ rừng của chủ rừng.

- Ngoài công tác quản lý bảo vệ rừng, các Công ty còn thực hiện các dự án trồng rừng, chăm sóc rừng trồng và phát triển vốn rừng góp phần ổn định đời sống cho người lao động trong Công ty, tạo công ăn việc làm cho người lao động trên địa bàn các Công ty đóng chân, góp phần công tác xóa đói giảm nghèo cho đồng bào dân tộc thiểu số sống gần rừng trên địa bàn.

- Thực hiện tốt công tác bảo vệ và phát triển rừng: đã góp phần nâng cao độ che phủ của rừng, hạn chế xói mòn đất, thiên tai lũ lụt, hạn hán làm ảnh hưởng

đến môi trường sinh thái và cảnh quan thiên nhiên, tạo vành đai trong khu vực có lá phổi xanh để bảo vệ môi trường.

2. Về tồn tại, hạn chế.

2.1 Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Trầm Hương

Việc lập phương án sử dụng đất, lập bản đồ địa chính, cấp GCN quyền sử dụng đất, Công ty đã hoàn thành năm 2020 nhưng đến nay phương án sử dụng đất của Công ty vẫn chưa được phê duyệt, ảnh hưởng đến công tác quản lý đất đai, triển khai thực hiện phương án quản lý rừng bền vững và kế hoạch thực hiện chứng chỉ rừng bền vững đối với công ty (do chưa có quyết định giao đất, cho thuê đất và cấp GCNQSD đất cho Công ty).

❖ **Nguyên nhân tồn tại:** việc thẩm định phương án sử dụng đất gặp vướng mắc vấn đề quy hoạch đất quốc phòng nằm trong lâm phần công ty quản lý, chờ đợi kết quả kéo dài nên đến nay vẫn chưa có quyết định giao đất cho thuê đất và cấp GCNQSD đất cho Công ty.

2.2 Công ty TNHH MTV Lâm sản Khánh Hòa

Mặc dù trong những năm qua, Công ty đã có nhiều cố gắng, những kết quả đạt được rất quan trọng và là điều kiện thuận lợi để phát triển Công ty; Tuy vậy để Công ty phát triển mạnh mẽ và bền vững cần phải khắc phục một số khó khăn tồn tại như sau:

- Tình trạng lấn chiếm đất rừng, chặt cây trái phép trên địa bàn Công ty quản lý diễn biến ngày càng phức tạp vẫn chưa hoàn toàn chấm dứt.

- Việc theo dõi đánh giá diễn biến tài nguyên rừng chưa được chủ động kịp thời, chủ yếu còn dựa trên số liệu kiểm kê cũ, số liệu cập nhật hiện trạng rừng và đất rừng chưa phù hợp với ngoài thực địa, do đó việc áp dụng các giải pháp đầu tư vào rừng chưa thực sự hợp lý.

- Tình trạng khai thác, vận chuyển lâm sản, khoáng sản trái phép trên địa bàn hiện nay đã xảy ra nhiều điểm nóng. Hình thức và mức độ khai thác càng tinh vi, các đối tượng phá rừng mạnh động, sẵn sàng chống đối lại lực lượng khi truy quét.

- Các dịch vụ Nông - Lâm nghiệp thực hiện còn hạn chế, chưa gắn được lợi ích thực sự của người dân với doanh nghiệp cũng như với rừng.

- Lực lượng QLBR mỏng, hiện trường quản lý xa và rộng....

- Việc lập Phương án sử dụng đất; Lập hồ sơ ranh giới sử dụng đất; Đo đạc lập bản đồ địa chính;... cấp GCNQSD đất theo hướng dẫn tại Thông tư số 07/2015/TT-BTNMT ngày 26/02/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường đối với các Công ty lâm nghiệp đã hoàn thành nhưng đến nay Phương án sử dụng đất vẫn chưa được phê duyệt do chưa giải quyết được sự chồng lấn giữa diện tích đất Quốc phòng trên đất Công ty quản lý nên đã ảnh hưởng đến công tác quản lý đất đai, triển khai thực hiện phương án quản lý rừng bền vững và kế hoạch thực hiện chứng nhận rừng bền vững của Công ty.

❖ Nguyên nhân

- Dân số tăng nhanh, trong khi quỹ đất ở, đất sản xuất không mở mang được

dẫn đến áp lực vào rừng ngày một tăng, ý thức của một số hộ dân là người đồng bào dân tộc thiểu số chưa cao, vẫn còn tình trạng phát nương làm rẫy theo tập quán canh tác lạc hậu. Nhu cầu lâm sản cho xây dựng, sinh hoạt và các lĩnh vực khác cũng không ngừng tăng lên. Bên cạnh đó, một bộ phận người dân địa phương không có việc làm nên tìm mọi cách vào rừng khai thác lâm sản trái phép để kiếm sống.

- Lực lượng QLBR trình độ chuyên môn còn hạn chế, quyền hạn ít, công cụ, dụng cụ thô sơ không đủ mạnh để trấn áp tội phạm trong lĩnh vực quản lý bảo vệ và phát triển rừng. Các đối tượng lâm tặc manh động, liêu lĩnh nên khó kiểm soát được.

- Việc nuôi dưỡng rừng sau khai thác chưa được kịp thời như quy định dẫn đến sự sinh trưởng và phát triển rừng còn chậm.

- Công tác bảo vệ rừng bằng pháp luật phải đi đôi với quy hoạch sử dụng đất đai, gắn liền với công tác xã hội; phát triển Công ty lâm nghiệp phải song song với phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn, phải làm sao cho cuộc sống và quyền lợi của người dân gắn chặt với rừng...

III. KIẾN NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG NGHỊ ĐỊNH SỐ 118/2014/NĐ-CP

1. Về hoàn thiện quy định pháp luật về mô hình Công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, quy định về điều kiện, hình thức, tiêu chí, trình tự, nguyên tắc lựa chọn nhà đầu tư... theo Kết luận 82-KL/TW: không có.

2. Về bổ sung quy định sát nhập, hợp nhất một số Công ty trên cùng địa bàn, cùng chủ sở hữu: không có.

3. Về bổ sung quy định về phương pháp định giá tài sản góp vốn, tỷ lệ vốn góp để thành lập Công ty TNHH hai thành viên trở lên đối với Công ty nông, lâm nghiệp: không có.

4. Về bổ sung quy định về tỷ lệ vốn điều lệ Nhà nước nắm giữ tại các Công ty nông, lâm nghiệp cổ phần hoá quản lý nhiều đất đai: không có.

5. Về sửa đổi, bổ sung các quy định về việc chuyển giao vốn, tài sản trên đất từ Công ty nông, lâm nghiệp về địa phương: không có.

6. Về sửa đổi, bổ sung các quy định có tính đặc thù về tài chính, thuế sử dụng đất trong Công ty nông, lâm nghiệp sản xuất kinh doanh có tính đặc thù, cơ chế miễn giảm tiền thuê đất đối với cây rừng và cây lâu năm, diện tích khoán ổn định lâu dài cho hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng và diện tích tái canh vườn cây, rừng:

6.1. Công trình lâm sinh là công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn, là công trình xây dựng có tính đặc thù, mang tính chất thời vụ, cấp bách trong từng thời điểm; trước đây, có Quyết định số 73/2010/QĐ-TTg ngày 16/11/2010 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế quản lý đầu tư xây dựng công trình lâm sinh; tuy nhiên, Quyết định số 73/2010/QĐ-TTg đã hết hiệu lực kể từ ngày 20/8/2017. Hiện nay, Thông tư của Bộ Nông nghiệp và PTNT hướng dẫn một số nội dung quản lý đầu tư công trình lâm sinh (Thông tư số 15/2019/TT-BNNPTNT) gặp một số tồn tại, vướng mắc như sau:

- Điều 5, Thông tư số 15/2019/TT-BNNPTNT quy định: “Dự toán công

trình lâm sinh được tính toán trên cơ sở định mức kinh tế kỹ thuật hiện hành, các hạng mục chi phí, gồm: ...”.

Hiện nay, đang áp dụng định mức kinh tế kỹ thuật theo Quyết định số 38/2005/QĐ-BNN ngày 06/7/2005 của Bộ Nông nghiệp và PTNT. Tuy nhiên, mục “Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng (khảo sát; lập thiết kế, dự toán; giám sát và các chi phí tư vấn khác có liên quan)” và mục “Chi phí khác”, Bộ Nông nghiệp và PTNT chưa có định mức cụ thể, chưa có chỉ dẫn áp dụng theo văn bản nào. Hiện tại, ở địa phương đang áp dụng định mức tại các Thông tư của các Bộ khác (Bộ Xây dựng, Bộ Tài chính). Ngoài ra, có một số hạng mục công trình lâm sinh không có trong Bảng định mức theo Quyết định số 38/2005/QĐ-BNN như “đường tuần tra bảo vệ rừng, bảo dưỡng đường ranh cản lửa trắng, nuôi dưỡng, làm giàu rừng,...”, không có cơ sở cho việc lập dự toán, thiết kế, gây khó khăn trong quá trình triển khai thực hiện. Do đó, đề nghị Bộ Nông nghiệp và PTNT bổ sung định mức kinh tế kỹ thuật cho các hạng mục công trình lâm sinh, các hạng mục phục vụ công tác bảo vệ và phát triển rừng (chưa có định mức kinh tế kỹ thuật).

- Các dự án đầu tư lâm sinh (trồng, chăm sóc rừng trồng, các hạng mục bảo vệ và phát triển rừng), thu hút lao động tạo thêm việc làm, tăng thêm thu nhập, góp phần vào công tác xóa đói, giảm nghèo trên địa bàn. Nghề rừng chủ yếu là khu vực miền núi, người làm công tác lâm sinh chủ yếu là người dân đồng bào dân tộc thiểu số, họ chủ yếu làm công nhật, họ không đủ năng lực và không nhận khoán công trình lâm sinh. Do đó, hiện nay chủ yếu thực hiện theo hình thức tự thực hiện, không thực hiện đấu thầu hay giao khoán được.

6.2. Chính sách phát triển rừng sản xuất: theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 27 Nghị định số 156/2018/NĐ-CP “*Chủ rừng tự đầu tư hoặc liên doanh, liên kết để thực hiện các dự án phát triển rừng và tổ chức sản xuất trên diện tích rừng, đất trồng rừng sản xuất được Nhà nước giao hoặc cho thuê theo quy định của pháp luật*”. Tuy nhiên, theo Luật Đất đai 2013, tại khoản 2 Điều 173 quy định: “*Tổ chức được Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất không có quyền chuyển đổi, chuyển nhượng, tặng cho, cho thuê quyền sử dụng đất; thế chấp, góp vốn bằng quyền sử dụng đất; ...*”. Hiện nay, các chủ rừng đang vướng mắc ở quy định của Luật Đất đai, không thể hợp tác, liên doanh liên kết để trồng rừng sản xuất trên diện tích đất trồng rừng sản xuất được Nhà nước giao. Đề nghị Nhà nước có hướng dẫn cụ thể về chính sách này.

6.3. Về việc đầu tư trồng rừng sản xuất do chủ rừng tự đầu tư

Thực tiễn chi phí đầu tư trồng rừng cho chu kỳ sau so với chu kỳ trước liên tục luôn tăng lên do trượt giá về chi phí vật tư, chi phí nhân công,... Hiện tại chưa có cơ chế chính sách được quy định trong Quy chế quản lý rừng hoặc Quy chế tài chính đối với công ty lâm nghiệp-công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ nên các công ty lâm nghiệp nhà nước đang gặp khó khăn, vướng mắc khi rừng trồng sản xuất do công ty tự đầu tư đưa vào khai thác, chỉ tính giá trị đầu tư theo dõi trên sổ kế toán để xác định kết quả lãi, lỗ của lô rừng đưa vào khai thác, mắc phải tình trạng lãi giả, không bảo toàn được vốn rừng (khấu trừ giá trị đầu tư theo dõi trên sổ kế toán không đủ để trồng lại rừng cho chu kỳ sản xuất tiếp theo trên diện tích đã khai thác). Vấn đề vướng mắc này,

đề nghị Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xem xét, phối hợp với Bộ ngành liên quan ban hành cơ chế tài chính đối với khoản chênh lệch giữa định mức chi phí trồng rừng tại thời điểm khai thác và giá vốn trồng rừng phát sinh thực tế tại thời điểm trồng rừng được theo dõi trên sổ kế toán để tăng vốn kinh doanh bù đắp cho hoạt động trồng lại rừng trên diện tích đã khai thác.

7. Về hướng dẫn bố trí nguồn kinh phí hỗ trợ giải quyết các tồn tại tài chính cho các công ty nông, lâm nghiệp giải thể mất khả năng thanh toán theo Kết luận số 82-KL/TW: không có.

8. Các nội dung kiến nghị khác:

Đề nghị chính sách khuyến khích, ưu đãi trong sản xuất nông, lâm nghiệp, đặc biệt là trồng rừng sản xuất cây gỗ lớn như: việc miễn, giảm tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, chính sách tài chính, tín dụng, hỗ trợ đầu tư phát triển lâm nghiệp... theo hướng thông thoáng, cởi mở, khả thi hơn để tổ chức, cá nhân tiếp cận được chính sách.

Trên đây là kết quả thực hiện các chính sách về sắp xếp, đổi mới công ty nông, lâm nghiệp theo Nghị định số 118/2014/NĐ-CP của 2 công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Trầm Hương và công ty TNHH MTV Lâm sản Khánh Hòa, UBND tỉnh Khánh Hòa báo cáo Bộ Nông nghiệp và PTNT theo dõi và tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chủ tịch UBND tỉnh (báo cáo);
- PCT TT UBND tỉnh Lê Hữu Hoàng;
- Tổng cục Lâm nghiệp;
- LĐ VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, TL, TLe, DN. 5

**KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Đình Văn Thiệu

